TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-DS	*T D, ngày 17 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Ph Đ (OCB)

Địa chỉ: 41 & 45 đường đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tr V T – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông L P H – Chức vụ: Giám đốc PGD Hưng Dũng – Chi nhánh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền ông L P H: Anh V Tr T A – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khối RB Ngân hàng TMCP Ph Đ

Địa chỉ: 118 Ng P S, phường H D, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh L V H, sinh năm 1992

Trú tại: Bản H X, xã M S, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh L V H chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Ph Đ (OCB) tính đến ngày 07/4/2023 là 156.661.907đ (*Một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn chín trăm linh bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 126.432.427đ (*Một trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng*), nợ lãi là 30.229.480đ (*Ba mươi triệu hai*

trăm hai hai mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng) theo Hợp đồng tín dụng 0436/2020/HĐTD/OCB/CN ngày 28 tháng 11 năm 2020 và Khế ước nhận nợ 0436/2020/KUNN/OCB/CN ngày 28 tháng 11 năm 2020.

Kể từ ngày tiếp theo ngày lập biên bản hòa giải thành (ngày 07/4/2023), anh L V H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất số tiền chưa thanh toán cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng 0436/2020/HĐTD/OCB/CN ngày 28 tháng 11 năm 2020 và Khế ước nhận nợ 0436/2020/KUNN/OCB/CN ngày 28 tháng 11 năm 2020 cho Ngân hàng TMCP Ph Đ (OCB).

2.2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh L V H.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ph Đ (OCB) số tiền tạm ứng án phí 3.865.508đ (*Ba triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm linh tám đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010790 ngày 23/3/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. T D;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- CCTHADS H.T D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Ái

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).